

Nhận diện cơ cấu lao động trẻ đang có việc làm ở nông thôn và thành thị giai đoạn 2018-2022

Phạm Ngọc Tân*, Đặng Đình Đức*

Nhận ngày 20 tháng 12 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) ở Việt Nam vừa qua đã đạt được những thành tựu nhất định và góp phần vào sự dịch chuyển cơ cấu lao động theo xu hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, CNH-HĐH nhanh cũng lấy đi tài nguyên của nông nghiệp và kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ xã hội nông thôn (trong đó có sự thay đổi cơ cấu lao động trẻ). Từ kết quả phân tích số liệu Điều tra lao động, việc làm (2018-2022), bài viết cho thấy thực trạng cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn Việt Nam theo các chiều cạnh nhân khẩu - xã hội và phân tích, so sánh với tình hình tương ứng ở thành thị. Theo đó, tỷ trọng nữ lao động trẻ tham gia hoạt động kinh tế đều thấp hơn nam ở cả khu vực nông thôn và thành thị; Có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động trẻ đang làm việc đã qua đào tạo giữa thành thị và nông thôn; Tỷ lệ lao động trong khu vực nhà nước ở cả thành thị và nông thôn đều có xu hướng giảm trong giai đoạn vừa qua.

Từ khóa: Nông thôn, cơ cấu lao động trẻ; cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: The process of industrialization and modernization in Vietnam has recently achieved certain achievements and contributed to the shift in labor structure towards the trend of reducing the rate of agricultural labor and increasing the rate of industrial and service labor. However, rapid industrialization and modernization also take away resources from agriculture and lead to significant changes in rural society (including a change in the structure of young workers). From the results of analyzing data from the Labor and Employment Survey (2018-2022), the article shows the current situation of young labor structure in rural Vietnam according to socio-demographic aspects, analyzes and compare with the corresponding situation in urban areas. Accordingly, the proportion of young female laborers participating in economic activities is lower than that of males in both rural and urban areas; There is a significant difference in the proportion of trained young laborers between urban and rural areas; The proportion of laborers in the state sector in both urban and rural areas has tended to decrease in the recent period.

Keywords: Ruralness, young labor structure, structure of young labor in rural areas.

Subject classification: Sociology

1. Dẫn nhập

Quá trình CNH-HĐH ở Việt Nam giai đoạn vừa qua đã đạt được những thành tựu nhất định và góp phần phát triển thị trường lao động ngày càng đa dạng. Trong đó, cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo xu hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ (Vũ Mạnh Lợi, 2015; Trịnh Duy Luân, 2016; Trần Việt

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ngoc.tan.tan.1111@gmail.com

** Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng.

Long và cộng sự, 2020). Bên cạnh đó, thách thức lớn từ việc công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh cũng sẽ lấy đi tài nguyên của nông nghiệp và sẽ kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ xã hội nông thôn. Hàng triệu lao động nông nghiệp sẽ chuyển sang phi nông nghiệp trong một thời gian ngắn đã dẫn tới sự thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn (trong đó có lực lượng lao động trẻ). Theo Phạm Thị Bạch Tuyết (2014), nước ta đang trong thời kì “cơ cấu dân số vàng” và cần xây dựng chiến lược phát triển nhân lực gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm tận dụng hiệu quả cơ hội vàng của giai đoạn này. Tập trung cải cách và điều chỉnh hệ thống đào tạo đại học, đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật, nhằm tạo ra một lực lượng lao động kỹ thuật có tay nghề, có trình độ chuyên môn để đáp ứng cho sự phát triển của đất nước. Để chuyển dịch cơ cấu lao động có hiệu quả thì cần phải đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH.

Theo Phí Thị Hằng (2014), cơ cấu lao động có những thuộc tính cơ bản, đó là tính khách quan, tính lịch sử và tính xã hội. Trong đó: tính khách quan được thể hiện ở chỗ cơ cấu lao động bắt nguồn từ dân số và cơ cấu kinh tế của một quốc gia (tính khách quan của quá trình tăng giảm dân số và cơ cấu xác định tính khách quan của cơ cấu lao động xã hội); tính lịch sử được thể hiện ở chỗ cơ cấu lao động xã hội là một chỉnh thể, tồn tại và vận động gắn liền với phương thức sản xuất xã hội (khi phương thức này có sự vận động, biến đổi thì cơ cấu lao động của một quốc gia cũng có sự vận động, biến đổi theo); tính xã hội được thể hiện ở chỗ cơ cấu lao động mang tính xã hội đậm nét và sâu sắc (quá trình phân công lao động xã hội phản ánh quá trình tiến hoá của lịch sử xã hội loài người. Khi lực lượng sản xuất có sự phát triển và nhảy vọt sẽ đánh dấu sự phân công lao động xã hội mới. Quá trình phát triển phân công lao động mới, với cơ cấu lao động mới, phản ánh trình độ văn minh của xã hội. Xét trên phương diện sản xuất, thì cơ cấu lao động phản ánh cơ cấu các giai tầng của xã hội trong nền sản xuất xã hội. Thông qua cơ cấu lao động, có thể nhận biết được hoạt động kinh tế của các giai tầng xã hội trong mỗi giai đoạn phát triển).

Theo Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2012), chuyển dịch cơ cấu lao động là quá trình thay đổi tỷ trọng và chất lượng lao động vào các ngành và các vùng khác nhau. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ là quá trình thay đổi tỷ trọng và chất lượng lao động vào các ngành, các vùng theo xu hướng hợp lý nhằm sử dụng đầy đủ và có hiệu quả cao các nguồn nhân lực để tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả về lao động - việc làm trong thời gian qua, nhưng thực trạng lao động - việc làm vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức cần giải quyết. Tuy quy mô nguồn lao động lớn và tăng nhanh nhưng chất lượng lao động còn thấp, chưa đáp ứng được các yêu cầu trong phát triển kinh tế. Đặc biệt là có sự khác biệt về chất lượng lao động giữa nông thôn và thành thị và sự chênh lệch quá lớn này tác động đến sự phát triển kinh tế chung của đất nước (Phạm Thị Bạch Tuyết, 2014).

Chính vì vậy, việc nghiên cứu về cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị trong giai đoạn 2018-2022 mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Bên cạnh việc giúp có thể nhận biết được hoạt động kinh tế của các nhóm lao động trẻ ở nông thôn, nghiên cứu còn góp phần nhận diện chất lượng lao động lao động trẻ ở nông thôn trong các phân tích so sánh với các nhóm lao động trẻ tương ứng ở thành thị. Trên cơ sở đó có thể gợi mở những giải pháp cho quá trình phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

2. Khái niệm, số liệu và phương pháp

Theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ, nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn, được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là Ủy ban nhân dân xã (Chính phủ, 2010). Theo Tổng cục Thống kê, Khu vực thành thị bao gồm các quận nội thành, các phường nội thị và thị trấn. Tất cả các đơn vị hành chính cơ sở còn lại (xã) đều thuộc khu vực nông thôn.

Theo Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2020 của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động (LLLĐ) hay dân số hoạt động kinh tế bao gồm những người đang làm việc và thất nghiệp từ 15 tuổi trở lên trong tuần nghiên cứu (không bao gồm người Việt Nam hiện đang cư trú ở nước ngoài vào thời điểm điều tra). Theo ILO, lực lượng lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi lao động theo quy định, thực tế đang có việc làm và những người thất nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2015). Trong bài viết này, lao động trẻ được xác định là những người từ 15-34 tuổi đang có việc làm trong thời kỳ tham chiếu.

Cơ cấu lao động là phạm trù kinh tế - xã hội, phản ánh hình thức cấu tạo bên trong của tổng thể lao động, sự tương quan giữa các bộ phận và mối quan hệ giữa các bộ phận đó trong tổng lao động xã hội. Đặc trưng của cơ cấu lao động là mối quan hệ tỷ lệ về mặt số lượng lao động theo những tiêu chí nhất định và chuyển dịch cơ cấu lao động là sự vận động chuyển hóa từ trạng thái cơ cấu lao động này (cơ cấu lao động cũ) sang trạng thái khác (cơ cấu lao động mới) phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội (Phí Thị Hằng, 2014). Trong bài viết này, cơ cấu lao động trẻ được xác định dựa vào tỷ lệ cấu thành của các nhóm lao động từ 15-34 tuổi đang có việc làm theo khái niệm ở trên trong tổng thể kết cấu theo những tiêu chí nhất định. Với những điều kiện hạn chế về nguồn lực, bài viết chỉ tập trung xem xét cơ cấu lao động trẻ theo các khía cạnh: giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT), ngành kinh tế, khu vực làm việc và vùng kinh tế - xã hội.

Điều tra lao động việc làm (LFS) hàng năm là điều tra trong chương trình điều tra thống kê quốc gia được Tổng cục Thống kê thực hiện hàng năm nhằm mục đích thu thập thông tin về tình trạng tham gia thị trường lao động của những người từ 15 tuổi trở lên hiện đang sinh sống tại Việt Nam, dùng làm cơ sở để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về lao động, việc làm, thất nghiệp và thu nhập của người lao động. Kết quả điều tra giúp các cấp, các ngành đánh giá, dự báo tình hình biến động của thị trường lao động trên phạm vi cả nước, xây dựng và hoạch định chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch sản xuất - kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường lao động (Tổng cục Thống kê, 2020).

Trong phạm vi bài viết này, phần mềm SPSS đã sử dụng để phân tích các bộ số liệu LFS các năm từ 2018-2022 do Tổng cục Thống kê thực hiện (và chỉ chọn những cá nhân từ 15-34 tuổi đang có việc làm theo khái niệm ở trên) nhằm phác họa bức tranh về cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn Việt Nam trong phân tích so sánh với các nhóm lao động trẻ ở thành thị và có thể góp phần nhận diện một số chiều cạnh về chất lượng lao động trẻ ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài viết tập trung phân tích sự biến đổi cơ cấu lao động trẻ (từ 15-34 tuổi, đang có việc làm) ở nông thôn và thành thị, so sánh theo một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội như giới tính, tuổi, CMKT, ngành kinh tế và khu vực làm việc... nhằm cung cấp bức tranh đa chiều về thực trạng trong giai đoạn 2018-2022 và có thể gợi mở những giải pháp cho quá trình phát triển tiếp theo.

3. Một số kết quả phân tích

3.1. Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo giới tính và độ tuổi

Cơ cấu lao động theo giới tính và độ tuổi: Dưới góc độ này, lực lượng lao động được chia thành lao động nam, lao động nữ, lao động trong độ tuổi và ngoài độ tuổi theo quy định của pháp luật lao động, trong đó, lao động ngoài độ tuổi bao gồm lao động trên và dưới tuổi lao động có khả năng và thực tế tham gia lao động đã được quy đổi thành lao động tiêu chuẩn (Phí Thị Hằng, 2014). Trong bài viết này, cơ cấu lao động trẻ theo độ tuổi được chia thành 4 nhóm: 15-19 tuổi, 20-24 tuổi, 25-29 tuổi và 30-34 tuổi.

Bảng 1: Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo giới tính và độ tuổi (%)

	2018		2019		2020		2021		2022	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Nam	51,0	54,0	51,2	54,2	51,4	54,0	51,1	55,3	50,3	54,7
Nữ	49,0	46,0	48,8	45,8	48,6	46,0	48,9	44,7	49,7	45,3
15-19 tuổi	6,3	12,5	6,3	11,9	5,6	10,4	4,9	9,5	5,4	9,5
20-24 tuổi	21,9	24,3	21,4	22,7	21,0	20,5	19,1	20,3	19,7	20,9
25-29 tuổi	34,5	30,7	34,0	31,1	34,0	31,8	34,7	31,4	32,9	30,1
30-34 tuổi	37,4	32,5	38,2	34,3	39,4	37,3	41,3	38,8	42,1	39,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu LFS các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022

Số liệu bảng 1 cho thấy: khi xem xét cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị theo giới tính trong giai đoạn 2018-2022, tỷ trọng nữ lao động trẻ tham gia hoạt động kinh tế đều thấp hơn nam ở cả khu vực nông thôn và thành thị. Trong đó, mức độ chênh lệch giới trung bình ở nông thôn là 8,28 điểm phần trăm (chênh lệch cao nhất là 10,6 điểm phần trăm vào năm 2021) và ở thành thị là 2,0 điểm phần trăm (chênh lệch cao nhất là 2,8 điểm phần trăm vào năm 2020). Điều này có thể được giải thích bởi những hạn chế về sức khỏe, những mâu thuẫn giữa sinh đẻ và làm việc, cơ hội tìm được việc làm vừa ý sau khi sinh là thấp; nhất là ở khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của ILO (2021) cho rằng: Đại dịch Covid-19 không chỉ làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng hiện hữu trên thị trường lao động, mà nó còn tạo ra những bất bình đẳng mới. Phụ nữ phải đối mặt với tình trạng giảm số giờ làm đặc biệt nghiêm trọng trong quý II năm 2020. Họ rời thị trường lao động với tỷ trọng lớn hơn so với nam giới. Phụ nữ trẻ và lớn tuổi, thường là những người phải làm những công việc thiếu ổn định nhất, là những đối tượng đặc biệt có nguy cơ ra khỏi lực lượng lao động.

Số liệu bảng 1 cũng đã cho thấy: khi xem xét cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị theo độ tuổi trong giai đoạn 2018-2022, tỷ trọng lao động trẻ tham gia hoạt động kinh tế tập trung nhiều nhất ở nhóm từ 30-34 tuổi và có xu hướng tăng dần ở cả nông thôn và thành thị. Bên cạnh đó, tỷ trọng lao động trẻ ở các nhóm tuổi khác đều có những biến động trái chiều.

Nhiều kết quả nghiên cứu cho rằng, Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là lao động và việc làm vào các năm 2020 và 2021. Theo Đỗ Thị Thanh Tâm (2022), tình hình lao động việc làm năm 2021 gặp nhiều khó khăn hơn so với năm 2020 do những diễn biến phức tạp và kéo dài của đợt dịch Covid-19 lần thứ tư. Thị trường lao động vẫn gặp nhiều khó khăn với tỷ lệ thất nghiệp năm nay cao hơn năm trước, trong đó khu vực thành thị vượt mốc 4%. Điều này trái với xu hướng thị trường lao động thường được quan sát ở nước ta, với tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn thường nghiêm trọng hơn so với thành thị.

3.2. Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Cơ cấu lao động theo trình độ CMKT là quan hệ tỷ lệ cũng như xu hướng biến động giữa các nhóm lao động có trình độ CMKT khác nhau. Đây là tiêu chí cho biết trình độ phát triển về chất lượng của nguồn lao động và cũng là chỉ tiêu chất lượng để đánh giá trình độ CNH-HĐH hoạt động lao động (Phí Thị Hằng, 2014). Năm 2019, Báo cáo cạnh tranh toàn cầu tại Diễn đàn kinh tế thế giới đánh giá và xếp hạng thì xét về điểm số kỹ năng số của lực lượng lao động khu vực châu Á - Thái Bình Dương, vị trí của Việt Nam đang ở mức khá thấp so với các quốc gia trong khu vực, nếu không nói là gần như thấp nhất. Ngay cả đối với nhóm đi làm việc ở nước ngoài, trong số 600.000 lao động thì số có trình độ đại học, cao đẳng rất ít, chủ yếu là cấp trung học phổ thông, trình độ trung học cơ sở (23,1%) (Phạm Diệp, 2023).

Số liệu bảng 2 cho thấy có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động trẻ đang làm việc ở thành thị và nông thôn chia theo trình độ CMKT trong giai đoạn 2018-2022. Theo đó, tỷ lệ lao động có trình độ đại học trở lên ở thành thị cao gấp 3,23 đến 3,58 lần ở nông thôn. Ngoài ra, một bộ phận lớn lao động trẻ đang làm việc nhưng không có trình độ CMKT với tỷ lệ trung bình ở nông thôn là 77,26% (năm 2019 có tỷ lệ cao nhất là 78,9%) và ở thành thị là 53,74% (năm 2020 có tỷ lệ cao nhất là 54,6%). Điều này góp phần phản ánh chất lượng lao động trẻ ở nông thôn Việt Nam vẫn còn thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Bảng 2: Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo trình độ CMKT (%)

	2018		2019		2020		2021		2022	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Không có CMKT	54,4	78,1	53,0	78,9	54,6	77,6	52,7	75,7	54,0	76,0
Sơ cấp	4,8	3,2	4,5	3,6	4,7	4,4	7,3	7,5	7,1	7,5
Trung cấp	7,9	5,9	7,1	5,0	5,8	4,7	5,5	4,0	4,6	3,4
Cao đẳng	9,3	5,8	9,6	5,3	9,4	5,4	8,4	5,2	8,7	5,4
Đại học trở lên	23,7	7,0	25,8	7,2	25,5	7,9	26,1	7,7	25,5	7,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu LFS các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022

Theo Hoàng Thị Minh Hà và Đinh Thị Hảo (2020), Lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật sẽ tiếp tục xu hướng giảm xuống, dự kiến trung bình giảm 0,2%/năm từ nay đến năm 2025. Số lao động giảm xuống này sẽ được bổ sung vào các nhóm bằng cấp khác nhau. Trong đó, lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên vẫn duy trì tốc độ tăng cao hơn hẳn so với quy mô lao động ở các trình độ thấp hơn. Cụ thể, lao động có trình độ cao đẳng tăng khoảng 5,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và tăng chậm hơn trong giai đoạn 5 năm tiếp theo với tốc độ tăng 4,8%/năm. Lao động có trình độ đại học trở lên có tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2016 - 2020 là 5,6%/năm, tốc độ tăng này sẽ chậm lại trong giai đoạn 2021 - 2025, tăng 4,5%/năm. Với tốc độ tăng này, số lao động có trình độ cao đẳng - đại học trở lên đến năm 2025 sẽ đạt 9,7 triệu lao động, tăng 1,6 lần so với lao động cùng trình độ năm 2015. Trong khi đó, lao động trung cấp chuyên nghiệp tăng thấp nhất, trung bình giai đoạn 2021 - 2025 tăng 1,8%/năm, dự kiến đạt 2,4 triệu lao động đến năm 2025. Lao động qua đào tạo nghề dự kiến tăng 4,1%/năm và đạt 4,1 triệu lao động trong năm 2025. Bên cạnh đó, Phương Hoa (2023) cũng cho rằng: Trình độ chuyên môn của lực lượng lao động đã có những cải thiện nhất định, song nhìn chung chất lượng còn thấp. Khả năng làm việc theo nhóm, tính chuyên nghiệp trong công việc còn yếu, khuynh hướng nắm vững lý thuyết, nhưng kém về năng lực thực hành còn phổ biến dẫn đến nhiều doanh nghiệp không tuyển được đúng vị trí việc làm.

3.3. Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo ngành kinh tế

Cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế là cơ cấu lao động biểu hiện quan hệ tỷ lệ cũng như xu hướng vận động của lao động trong các ngành nghề khác nhau, ở các lĩnh vực kinh tế. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế được xác định trên kết quả của sự phân công lao động theo ngành trong nền kinh tế. Nếu xác định cơ cấu lao động theo nhóm ngành hay lĩnh vực kinh tế bao gồm nông nghiệp, lao động công nghiệp và xây dựng, lao động nông nghiệp. Lĩnh vực kinh tế bao gồm các ngành kinh tế có tính chất tương đồng nhau được nhóm lại (Phí Thị Hằng, 2014). Theo Tổng cục Thống kê (2020), chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, quá trình này tất yếu làm thay đổi tỷ trọng lao động trong các ngành kinh tế. Phạm Thị Bạch Tuyết (2014) cho rằng, quá trình này dẫn đến làm tăng tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng lao động trong nông nghiệp.

Bảng 3: Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo ngành kinh tế (%)

	2018		2019		2020		2021		2022	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Nông nghiệp	7,6	38,6	5,1	34,9	4,8	33,9	4,9	30,6	5,0	29,5
Công nghiệp và xây dựng	34,9	35,7	36,6	39,2	38,0	40,0	38,8	43,1	37,8	43,6
Dịch vụ	57,5	25,7	58,3	25,9	57,2	26,1	56,3	26,4	57,2	26,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu LFS các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022

Số liệu bảng 3 cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế ở nông thôn và thành thị trong giai đoạn 2018-2022. Trong xu hướng chung về tăng tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp, giai đoạn vừa qua đã chứng kiến những biến động trái chiều bởi những “ cú sốc” đối với thị trường lao động do Covid-19. Ngoài ra, số liệu ở khu vực nông thôn đã phản ánh: lao động trong nhóm ngành nông nghiệp đã giảm nhưng vẫn còn chiếm tỉ trọng lớn (giảm từ 38,6% năm 2018 xuống 29,5% năm 2022) và lao động trong ngành dịch vụ cũng tăng chậm, chiếm tỉ trọng còn thấp (tăng từ 25,7% năm 2018 lên 26,9% năm 2022). Điều này gợi mở các yêu cầu cần đáp ứng của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa giai đoạn tiếp theo để có thể hoàn thành mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đã xác định là “tỷ trọng lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm xuống dưới 20% trong tổng số lao động có việc làm của nền kinh tế”.

Theo Phương Hoa (2023), lao động trong ngành nông nghiệp giảm dần qua từng năm, nhưng trong đại dịch Covid-19, lao động trong ngành này lại tăng lên từ 28,3% năm 2020 lên 29% năm 2021 do giãn cách xã hội nên người lao động quay trở về quê tìm việc. Việc tăng lên này chỉ mang tính tức thời, vì khi dịch được kiểm soát họ sẽ quay trở lại thành phố để làm việc. Tuy lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp giảm nhưng sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông nghiệp đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, mà biểu hiện rõ nhất là thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, trong khi hộ làm nông nghiệp thuần túy giảm dần.

Bên cạnh đó, Thông cáo báo chí về tình hình lao động Quý IV và cả năm 2022 của Tổng cục Thống kê (2023) cho rằng: lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2022 là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với năm 2021, tuy nhiên vẫn thấp hơn năm 2019 là 56,8 nghìn người. Trong đó, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 18,6 triệu người (tăng 877,3 nghìn người so với năm trước), lao động ở khu vực nông thôn là 31,9 triệu người (tăng 627,2 nghìn người so với năm trước). Tính chung cả năm 2022, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 17 triệu người (chiếm 33,6%), tăng 72,6 nghìn người so với năm trước; khu vực dịch vụ được ghi nhận có sự tăng lên mạnh và đạt 19,7 triệu người (chiếm 38,9%), tăng 1,1 triệu người so với năm trước. Lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức 13,9 triệu người, (chiếm 27,5%), giảm 352,7 nghìn người so với năm trước. Với mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ: Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó đặt ra mục tiêu giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội là 27,5% thì mục tiêu này đạt.

3.4. Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo khu vực làm việc

Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế là quan hệ tỷ lệ cũng như xu hướng vận động, phát triển của nguồn lao động trong các thành phần kinh tế. Số lượng các thành phần kinh tế được xác định tùy theo từng giai đoạn lịch sử nhất định (hiện nay ở nước ta gồm 4 thành phần kinh tế, đó là: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài). Tuy nhiên, trên thực tế, cơ cấu thành phần kinh tế ở Việt Nam

thường xem xét ba khu vực: kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và do đó trong cơ cấu lao động theo thành phần cũng thường được gắn với ba bộ phận trên. Về mặt pháp lý, các lao động này đều được bình đẳng trước pháp luật, có quyền và nghĩa vụ của riêng mình (Phí Thị Hằng, 2014).

Bảng 4: Cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị chia theo khu vực làm việc (%)

	2018		2019		2020		2021		2022	
	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
Hộ nông nghiệp	7,3	37,9	4,7	33,6	4,4	32,4	4,6	29,0	4,8	28,2
Cá nhân làm tự do	1,5	1,7	4,7	4,6	4,0	4,8	4,1	4,7	3,7	3,9
Cơ sở kinh doanh cá thể	34,0	26,7	30,1	25,7	31,4	26,2	30,1	27,7	31,8	28,2
Doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước	29,7	15,4	33,6	17,4	33,5	17,9	34,0	19,5	31,5	18,2
Khu vực nhà nước	15,3	7,3	12,9	6,2	12,0	6,7	11,5	6,6	10,0	5,6
Khu vực nước ngoài	12,1	10,8	13,8	12,3	14,4	11,9	15,5	12,2	18,2	15,7
Tập thể và tổ chức đoàn thể khác	0,2	0,1	0,2	0,2	0,2	0,1	0,1	0,2	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu LFS các năm 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022

Số liệu bảng 4 đã phản ánh cơ cấu lao động trẻ ở thành thị và nông thôn chia theo khu vực làm việc trong giai đoạn 2018-2022. Trong khi tỷ lệ lao động trẻ ở thành thị tập trung chủ yếu ở các nhóm “cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể” (khoảng 30,1% đến 34%) và “doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước” (khoảng từ 29,7% đến 34%) thì tỷ lệ này ở nông thôn tập trung chủ yếu ở các nhóm “hộ nông nghiệp” (khoảng từ 28,2% đến 37,9%) và “cơ sở kinh doanh cá thể” (khoảng từ 25,7% đến 28,2%). Tỷ lệ lao động trẻ trong hộ nông nghiệp tập trung chủ yếu ở nông thôn và là cấu phần duy nhất mà ở nông thôn cao hơn thành thị (37,9% so với 7,3% năm 2018 và 28,8% so với 4,8% năm 2022). Tỷ lệ lao động trong khu vực nhà nước ở cả thành thị và nông thôn đều có xu hướng giảm trong giai đoạn vừa qua (giảm từ 15,3% năm 2018 xuống 10% năm 2022 ở khu vực thành thị và 7,3% năm 2018 xuống 5,6% năm 2022 ở khu vực nông thôn). Theo Phạm Thị Bạch Tuyết (2014), phân loại cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với nước ta, đặc biệt trong thời kỳ chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế có những thay đổi quan trọng. Sự chuyển dịch lao động từ khu vực nhà nước sang khu vực kinh tế khác đang diễn ra phù hợp với quá trình Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường. Điều này cho thấy, thị trường lao động ở nước ta đã phát triển trong thời gian qua. Tuy vậy, mức tăng lao động khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài vẫn ở mức thấp và chậm.

4. Bàn luận

Bàn về sự dịch chuyển chậm cơ cấu lao động trong giai đoạn 2014-2019, Đào Quang Vinh (2019) nhận định rằng: thực sự chuyển dịch cơ cấu lao động cũng không như kỳ vọng được, bởi đầu tư cho nông nghiệp tiếp tục thấp trong cơ cấu đầu tư của Nhà nước. Các doanh nghiệp ít vào lĩnh vực nông nghiệp để có thể tăng nhanh năng suất, chuyển dịch, rút lao động ra. Bên cạnh đó, công nghiệp và dịch vụ cũng phát triển chưa đủ mạnh để thu hút lực lượng lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang. Quan trọng là việc tự chuyển việc làm, phát triển các dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn còn chậm (dẫn theo Đức Bình, 2019). Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, thống kê cho thấy số lao động ly hương chủ yếu là lao động nông thôn, trong đó, trên 90% là lao động trẻ với độ tuổi bình quân khoảng dưới 34 tuổi. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng lao động trẻ ở vùng nông thôn (Lê Bảo, 2022).

Thị trường lao động Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong phát triển không chỉ về quy mô mà còn về chất lượng lao động. Trước mắt, thị trường lao động sẽ tiếp tục được phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, theo đó, nhu cầu lao động có trình độ và qua đào tạo ngày càng tăng. Khi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng có những ảnh hưởng sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế thì nhu cầu về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, càng trở nên bức thiết... Kết quả dự báo cho thấy, cầu lao động từ 15 tuổi đang làm việc sẽ tăng từ 54 triệu lao động lên khoảng 58,7 triệu lao động đến năm 2025. Tăng trưởng cao hơn cần sử dụng nhiều lao động hơn, tuy nhiên có thể thấy sự dịch chuyển rất rõ ràng trong cơ cấu lao động theo ngành khi lao động trong khu vực nông nghiệp tiếp tục xu hướng giảm mạnh và lao động chuyển dần sang các khu vực khác theo hướng CNH-HĐH (Hoàng Thị Minh Hà và Đinh Thị Hảo, 2020).

Mặc dù quá trình đô thị hoá và hội nhập kinh tế đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành thị, tuy nhiên lao động vẫn tập trung ở nông thôn và tăng dần theo các năm. Cụ thể, theo Báo cáo điều tra lao động và việc làm năm 2020 của Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động ở khu vực nông thôn gần 36,7 triệu người, chiếm gần 67% lực lượng lao động cả nước. Điều này tiếp tục gây sức ép về nhu cầu đào tạo và giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Sự di cư của lao động nông thôn gây tình trạng thiếu việc làm cho thành thị, đồng thời gây thiếu hụt lao động ở nông thôn. Tỷ lệ thất nghiệp của người di cư năm 2020 khoảng 9,82%, cao hơn khoảng 4,4 lần so với tỷ lệ thất nghiệp chung của lao động từ 15 tuổi trở lên (2,25%), phần lớn tập trung ở lao động không qua đào tạo chuyên môn, kỹ thuật. Đặc biệt, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ sơ cấp trở lên tại khu vực nông thôn chỉ đạt 16%, thấp hơn nhiều so với khu vực thành thị (39,3%). Đây là một thách thức lớn trong việc nâng cao chất lượng lao động nông thôn. Trong khi đó, quy mô đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp ở các cơ sở đào tạo ngày càng giảm mạnh. Lao động đã qua đào tạo, nhất là lao động chất lượng cao không muốn về nông thôn (Lê Quân, 2022).

Bên cạnh đó, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năng suất lao động trong khu vực nông nghiệp chỉ bằng 38,1% năng suất lao động của ngành kinh tế. Lao động trong khu vực này đang kéo tụt năng suất lao động của Việt Nam so với khu vực và thế giới. Điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực nông thôn còn chưa cao. Số lao động giỏi trong các ngành nghề chất lượng cao còn thấp. Lao động nông thôn được đào tạo nghề nghiệp chủ yếu là trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng và ở trình độ trung cấp, cao đẳng còn thấp.

Lao động nông thôn tham gia học nghề và tham gia thị trường lao động sau học nghề chủ yếu là lao động phổ thông. Lao động nông thôn khó tìm việc được ở các vị trí đòi hỏi kỹ năng nghề cao hơn (Chu Thị Thảo, 2021).

Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển khu vực nông thôn giai đoạn tiếp theo, vấn đề phát triển nguồn nhân lực nông thôn rất cần được quan tâm hơn nữa, nhất là lực lượng lao động trẻ ở nông thôn. Bên cạnh việc tăng cường các chính sách đào tạo nghề nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật cho lao động trẻ ở nông thôn nói riêng và lực lượng lao động nông thôn nói chung để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình CNH-HĐH, thì cũng rất cần có thêm nữa các dự án tạo việc làm, các chính sách phát triển thị trường lao động phi nông nghiệp ở nông thôn lao động trẻ ở lại làm việc, khởi nghiệp và tham gia xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tiếp theo. Và theo Đào Thế Tuấn (1993) “muốn thúc đẩy phát triển nông thôn, phải xây dựng một khu vực phi nông nghiệp ở nông thôn, (...) muốn thúc đẩy phát triển nông nghiệp, cần có một khu vực phi nông nghiệp khá mạnh đủ sức lôi kéo nông nghiệp lên” (Nguyễn Văn Tiệp, 2018).

5. Kết luận

Kết quả phân tích số liệu Điều tra lao động việc làm giai đoạn 2018-2022 đã cho thấy phần lớn lao động trẻ đang có việc làm ở cả nông thôn và thành thị không có trình độ chuyên môn kỹ thuật (và tỷ lệ này ở nông thôn cao gấp hơn 1,4 lần so với thành thị).

Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động trẻ đang có việc làm trong nhóm ngành nông nghiệp ở nông thôn có xu hướng giảm nhưng vẫn còn chiếm tỉ trọng lớn (lớn hơn tỷ trọng lao động trẻ đang có việc làm trong nhóm ngành dịch vụ ở nông thôn giai đoạn 2018-2022).

Đáng chú ý là kết quả phân tích trên đây cũng đã cho thấy: tỷ trọng nữ lao động trẻ tham gia hoạt động kinh tế đều thấp hơn nam ở cả khu vực nông thôn và thành thị; Có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ lao động trẻ đang làm việc đã qua đào tạo giữa thành thị và nông thôn; Tỷ lệ lao động trong khu vực nhà nước ở cả thành thị và nông thôn đều có xu hướng giảm trong giai đoạn vừa qua.

Cần có những nghiên cứu với quy mô sâu và rộng hơn nữa để phân tích rõ hơn các chiều cạnh về cơ cấu lao động trẻ ở nông thôn và thành thị nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nguồn nhân lực ở nông thôn nói riêng trong bối cảnh CNH-HĐH giai đoạn tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2015). *Thuật ngữ Lao động - Xã hội*. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.

Chính phủ. (2010). *Nghị định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.

Chu Thị Thảo. 2021. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành Nông nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Công thương điện tử*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phat-trien-nguon-nhan-luc-cho-nganh-nong-nghiep-viet-nam-82722.htm>

Đỗ Thị Thanh Tâm. (2022). Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến tình hình lao động: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Công thương điện tử*. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/anh-huong-cua-dai-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-thuc-trang-va-giai-phap-88925.htm>

Đức Bình. (2019). Lao động nông nghiệp đang giảm nhanh. *Báo Tuổi trẻ*. <https://cuoituan.tuoitre.vn/lao-dong-nong-nghiep-dang-giam-nhanh-1501005.htm>

Hoàng Thị Minh Hà, Đinh Thị Hào. (2020). *Cơ cấu lao động theo trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế đến năm 2025. Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam*. Số 1.

ILO. (2021). *Giới và thị trường lao động ở Việt Nam - Báo cáo phân tích dựa trên số liệu Điều tra Lao động - Việc làm*. Tóm tắt nghiên cứu.

Lê Bảo. (2022). Thiếu hụt lao động trẻ trong nông nghiệp. *Báo Đại đoàn kết*. <http://daidoanket.vn/thieu-hut-lao-dong-tre-trong-nong-nghiep-5696544.html>

Lê Quân. (2022). Để nông thôn trở thành 'lực hút' lao động chất lượng cao. *Báo Nông nghiệp ngày nay*. <https://nongnghiep.vn/de-nong-thon-tro-thanh-luc-hut-lao-dong-chat-luong-cao-d313300.html>

Nguyễn Văn Tiệp. (2018). *Phát triển nguồn nhân lực từ góc nhìn về giáo dục, lao động và việc làm ở nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long*. Tài liệu phục vụ Hội thảo “Phát triển nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long: Từ thực tiễn đến Chính sách” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 05/10/2018.

Phạm Diệp. (2023). Chất lượng lao động trẻ, vẫn là điểm nghẽn. *Báo Lao động thủ đô*. <https://laodongthudo.vn/chat-luong-lao-dong-tre-van-la-diem-nghen-155697.html>

Phạm Thị Bạch Tuyết. (2014). Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với lao động ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 60.

Phí Thị Hằng. (2014). *Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành ở Thái Bình trong giai đoạn hiện nay*. [Luận án tiến sĩ. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh].

Tổng cục Thống kê. (2016). *Lực lượng lao động: Khái niệm và phương pháp tính*. www.gso.gov.vn.

Tổng cục Thống kê. (2019). *Điều tra Lao động-Việc làm năm 2018*.

Tổng cục Thống kê. (2020a). *Điều tra Lao động-Việc làm năm 2019*.

Tổng cục Thống kê. (2020b). *Quyết định về việc tiến hành Điều tra Lao động-Việc làm năm 2021*.

Tổng cục Thống kê. (2021). *Điều tra Lao động-Việc làm năm 2020*.

Tổng cục Thống kê. (2022). *Điều tra Lao động-Việc làm năm 2021*.

Tổng cục Thống kê. (2023). *Điều tra Lao động-Việc làm năm 2022*.

Trần Việt Long, Tô Thị Hồng và Phạm Ngọc Tân. (2020). Chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp ở Việt Nam giai đoạn 2009-2019: Vài nhận diện qua phân tích số liệu thứ cấp. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*. Số 6.

Trịnh Duy Luân. (2016). Một số chiều cạnh trong biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4.

Trường Đại học Kinh tế quốc dân. (2012). *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*. Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

Vũ Mạnh Lợi. (2015). Lao động, việc làm ở Việt Nam sau 30 năm Đổi mới. *Tạp chí Xã hội học*. Số 4.